

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-PT

Ngày 16 - 5 - 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng công trình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phùng Lâm Hồng

Ông Trương Quyết Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLPT – KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình*” do bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 30/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L bị bị đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐPT- KDTM ngày 04/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV H

Địa chỉ: Số nhà 034, đường đại lộ T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hoàng T - Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Văn Minh N - Địa chỉ: Số 16, lô 3 Phú Hưng, đại lộ T, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại L

Địa chỉ: Lô K3 và K18 Khu thương mại công nghiệp K, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trương Mạnh H - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Hải Y - Chức vụ: Kế toán.
Địa chỉ: Lô K3 và K18 Khu thương mại công nghiệp K, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV H là ông Văn Minh N trình bày:

Ngày 03/9/2013 Công ty TNHH MTV H - Bên B (viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH thương mại L - Bên A (viết tắt là Công ty L) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa là đá ốp lát tự nhiên giá trị hàng hóa là 320.000.000 đồng, bên B tập kết vật liệu thi công bên A tạm ứng trước là 70% giá trị hợp đồng sau khi công trình hoàn thành hai bên nghiệm thu và lập biên bản bàn giao. Trong thời gian 10 ngày bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền còn lại.

Ngày 08/9/2013 sau khi đo đạc và tính toán và chuyển đủ số lượng hàng sang công trình bên A, bên B đã xuất hóa đơn số 0000143/ký hiệu /11p giao bên A với tổng số tiền là 320.000.000 đồng. Sau đó bên A đã không nghiệm thu để thanh toán số tiền còn lại 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền gốc còn nợ và tiền lãi từ ngày 13/10/2013 là 3 năm 11 tháng = 47 tháng là $110.000.000 \times 1\% \times 47 \text{ tháng} = 51.700.000$ đồng, tổng tiền thanh toán là 161.700.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định, điều tra thu thập chứng cứ hai bên đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền phải thanh toán, nên tại phiên tòa Công ty H đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty L phải thanh toán số tiền là 20.585.000 đồng không tính lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty TNHH thương mại L trình bày:

Theo bản chi tiết công nợ ngày 13/01/2014 do ông Vũ Như C giám sát công trình xác nhận cùng với người của Công ty L đến công trình đo thực tế số lượng là 238.077.232 đồng, nhưng khi Công ty L đối chiếu lại thì giữa chi tiết công nợ và hợp đồng lệch giá là 7.492. 232 đồng, như vậy số nợ thực tế là 230.585.000 đồng. Công ty L đã chuyển 210.000.000đồng, còn nợ lại 20.585.000 đồng. Theo Điều 3 của hợp đồng sau khi hoàn thành công trình hai bên sẽ nghiệm thu và bàn giao công trình. Nhưng Công ty L nhiều lần yêu cầu Công ty H đến để nghiệm thu công trình tuy nhiên Công ty H không đến. Do vậy, Công ty L không thể thanh toán số tiền còn lại cho Công ty H được. Đến nay Công ty H yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền còn lại 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) và không tính lãi. Quan điểm của Công ty L là nhất trí thanh toán số tiền còn nợ lại.

Về án phí Công ty L không nhất chí chịu tiền án phí vì Công ty L có nhận là chưa thanh toán 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) cho Công ty H trước khi Công ty H khởi kiện, nhưng Công ty H không nhất trí vẫn khởi kiện ra Tòa án.

Bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 30/01/2019 của TAND thành phố L đã quyết định:

Áp dụng Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ Luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Công ty TNHH thương mại L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV H số tiền: 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc Công ty TNHH thương mại L phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV H phải chịu 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định và định giá tài sản (xác nhận đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định 2.600.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), được hoàn lại 3.000.000 (Ba triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005471 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ngày 15/02/2019, bị đơn Công ty L kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm phần bị Tòa án bác đơn, và không buộc Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty L, căn cứ khoản 1 Điều 308 giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo của Công ty TNHH thương mại L.

[1.1] Căn cứ Hợp đồng thi công công trình giữa Công ty TNHH MTV H và Công ty TNHH thương mại L được ký kết và thực hiện năm 2013. Nội dung của hợp đồng là Công ty L thuê Công ty H làm cầu thang đá Granite màu hồng, đỏ và mặt tiền đá Marble tổng cộng giá trị tạm tính của hợp đồng là 320.000.000 đồng. Do hai bên không tiến hành nghiệm thu và thanh toán nên Công ty TNHH MTV H yêu cầu Công ty L phải thanh toán số nợ còn lại theo hóa đơn xuất mà

không nhất trí theo số liệu mà Công ty L đã xuất trình. Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, các bên đương sự đã thống nhất được số tiền mà Công ty L còn phải trả cho Công ty H là 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

[1.2] Bản án sơ thẩm đã buộc Công ty L phải thanh toán trả cho Công ty H là 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Về nội dung này Công ty L không kháng cáo.

[1.3] Tại đơn khởi kiện Công ty H yêu cầu Công ty L phải trả 161.700.000 đồng (bao gồm cả tiền chậm trả), nhưng tại phiên tòa Công ty H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, và chỉ còn khởi kiện yêu cầu Công ty L phải trả 20.585.000 đồng. Vì vậy Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H, buộc Công ty L phải thanh toán trả cho Công ty H là 20.585.000 đồng và buộc Công ty L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Bản án sơ thẩm không buộc Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự phải chịu án phí nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*”.

[1.4] Tập hợp các phân tích trên xét thấy cả 02 nội dung kháng cáo của Công ty L đều không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[2] Về chi phí thẩm định, do không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí phúc thẩm: Do nội dung kháng cáo của Công ty L không được chấp nhận nên Công ty L phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 30/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L như sau:

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Công ty TNHH thương mại L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV H số tiền: 20.585.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH MTV H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH thương mại L chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH thương mại L phải chịu 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty TNHH thương mại L đã nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005871 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, được khấu trừ vào tiền án phí phải nộp.

Công ty TNHH MTV H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005471 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về chi phí thẩm định, do không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7 a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa